

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024
về việc quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở
khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội quản lý

(Tiếp theo Công báo số 197+198)

Phụ lục số 75
GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI TRUNG TÂM
THỰC HÀNH KHÁM CHỮA BỆNH TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
A	Dịch vụ khám bệnh chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; Dịch vụ khám bệnh chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán				
I	Dịch vụ khám bệnh và hội chẩn				
1			Giá Khám bệnh	36,500	
II	Dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm				
1	02.0314.0001	Siêu âm ổ bụng	Siêu âm ổ bụng	58,600	
2	18.0016.0001	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	58,600	
3	18.0015.0001	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	58,600	
4	18.0019.0001	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	58,600	
5	18.0703.0001	Siêu âm tại giường	Siêu âm tại giường	58,600	
6	18.0018.0001	Siêu âm tử cung phần phụ	Siêu âm tử cung phần phụ	58,600	
7	18.0072.0010	Chụp X-quang Blondeau	Chụp X-quang Blondeau [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
8	18.0089.0010	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
9	18.0087.0010	Chụp X-quang cột sống cổ chéo hai bên	Chụp X-quang cột sống cổ chéo hai bên [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
10	18.0095.0010	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
11	18.0074.0010	Chụp X-quang hàm chéo một bên	Chụp X-quang hàm chéo một bên [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
12	18.0073.0010	Chụp X-quang Hirtz	Chụp X-quang Hirtz [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
13	18.0110.0010	Chụp X-quang khớp háng nghiêng	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
14	18.0105.0010	Chụp X-quang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)	Chụp X-quang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle) [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
15	18.0080.0010	Chụp X-quang khớp thái dương hàm	Chụp X-quang khớp thái dương hàm [$\leq$ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
16	18.0101.0010	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chéo	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chéo [$\leq$ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
17	18.0100.0010	Chụp X-quang khớp vai thẳng	Chụp X-quang khớp vai thẳng [$\leq$ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
18	18.0098.0010	Chụp X-quang khung chậu thẳng	Chụp X-quang khung chậu thẳng [$\leq$ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
19	18.0069.0010	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao [$\leq$ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
20	18.0120.0010	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên [$\leq$ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
21	18.0119.0010	Chụp X-quang ngực thẳng	Chụp X-quang ngực thẳng [$\leq$ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
22	18.0067.0010	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [$\leq$ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
23	18.0108.0010	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [$\leq$ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
24	18.0075.0010	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến [$\leq$ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
25	18.0099.0010	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chéo	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chéo [$\leq$ 24x30 cm, 1 tư thế]	58,300	Áp dụng cho 01 vị trí
26	18.0096.0011	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [$\leq$ 24x30 cm, 2 tư thế]	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
27	18.0092.0011	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chéo hai bên	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chéo hai bên [$\leq$ 24x30 cm, 2 tư thế]	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
28	18.0094.0011	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn $\leq 24 \times 30$ cm, 2 tư thế	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
29	18.0093.0011	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng $\leq 24 \times 30$ cm, 2 tư thế	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
30	18.0091.0011	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng $\leq 24 \times 30$ cm, 2 tư thế	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
31	18.0071.0011	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng $\leq 24 \times 30$ cm, 2 tư thế	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
32	18.0112.0011	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo $\leq 24 \times 30$ cm, 2 tư thế	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
33	18.0104.0011	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo $\leq 24 \times 30$ cm, 2 tư thế	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
34	18.0122.0011	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo $\leq 24 \times 30$ cm, 2 tư thế	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
35	18.0068.0011	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng $\leq 24 \times 30$ cm, 2 tư thế	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
36	18.0116.0011	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo $\leq 24 \times 30$ cm, 2 tư thế	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
37	18.0113.0011	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè $\leq 24 \times 30$ cm, 2 tư thế	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
38	18.0114.0011	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng $\leq 24 \times 30$ cm, 2 tư thế	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
39	18.0106.0011	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng $\leq 24 \times 30$ cm, 2 tư thế	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
40	18.0103.0011	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng $\leq 24 \times 30$ cm, 2 tư thế	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
41	18.0115.0011	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [$\leq$ 24x30 cm, 2 tư thế]	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
42	18.0107.0011	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [$\leq$ 24x30 cm, 2 tư thế]	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
43	18.0111.0011	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [$\leq$ 24x30 cm, 2 tư thế]	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
44	18.0117.0011	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [$\leq$ 24x30 cm, 2 tư thế]	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
45	18.0125.0012	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [$>$ 24x30 cm, 1 tư thế]	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
46	18.0095.0012	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze [$>$ 24x30 cm, 1 tư thế]	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
47	18.0110.0012	Chụp X-quang khớp háng nghiêng	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [$>$ 24x30 cm, 1 tư thế]	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
48	18.0101.0012	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chếch [$>$ 24x30 cm, 1 tư thế]	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
49	18.0100.0012	Chụp X-quang khớp vai thẳng	Chụp X-quang khớp vai thẳng [$>$ 24x30 cm, 1 tư thế]	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
50	18.0098.0012	Chụp X-quang khung chậu thẳng	Chụp X-quang khung chậu thẳng [$>$ 24x30 cm, 1 tư thế]	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
51	18.0120.0012	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên [$>$ 24x30 cm, 1 tư thế]	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
52	18.0119.0012	Chụp X-quang ngực thẳng	Chụp X-quang ngực thẳng [$>$ 24x30 cm, 1 tư thế]	64,300	Áp dụng cho 01 vị trí
53	18.0125.0013	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [$>$ 24x30 cm, 2 tư thế]	77,300	Áp dụng cho 01 vị trí
54	18.0087.0013	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên [$>$ 24x30 cm, 2 tư thế]	77,300	Áp dụng cho 01 vị trí

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
55	18.0090.0013	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77,300	Áp dụng cho 01 vị trí
56	18.0092.0013	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77,300	Áp dụng cho 01 vị trí
57	18.0093.0013	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77,300	Áp dụng cho 01 vị trí
58	18.0091.0013	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77,300	Áp dụng cho 01 vị trí
59	18.0104.0013	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77,300	Áp dụng cho 01 vị trí
60	18.0122.0013	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77,300	Áp dụng cho 01 vị trí
61	18.0067.0013	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77,300	Áp dụng cho 01 vị trí
62	18.0118.0013	Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng	Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77,300	Áp dụng cho 01 vị trí
63	18.0102.0013	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77,300	Áp dụng cho 01 vị trí
64	18.0108.0013	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77,300	Áp dụng cho 01 vị trí
65	18.0113.0013	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77,300	Áp dụng cho 01 vị trí
66	18.0114.0013	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77,300	Áp dụng cho 01 vị trí
67	18.0106.0013	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77,300	Áp dụng cho 01 vị trí

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
68	18.0103.0013	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77,300	Áp dụng cho 01 vị trí
69	18.0124.0016	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng [có thuốc cản quang]	109,300	
70	18.0130.0017	Chụp X-quang thực quản dạ dày	Chụp X-quang thực quản dạ dày [có thuốc cản quang]	124,300	
71	18.0072.0028	Chụp X-quang Blondeau	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 1 phim]	73,300	Áp dụng cho 01 vị trí
72	18.0086.0028	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73,300	Áp dụng cho 01 vị trí
73	18.0072.0029	Chụp X-quang Blondeau	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 2 phim]	105,300	Áp dụng cho 01 vị trí
74	18.0089.0029	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 2 phim]	105,300	Áp dụng cho 01 vị trí
75	18.0088.0030	Chụp X-quang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	Chụp X-quang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế [số hóa 3 phim]	130,300	Áp dụng cho 01 vị trí
76	01.0065.0071	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	248,500	
77	03.0113.0074	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	532,500	Bao gồm cả bóng dùng nhiều lần.
78	14.0203.0075	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	40,300	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.
79	14.0204.0075	Cắt chỉ khâu kết mạc	Cắt chỉ khâu kết mạc	40,300	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.
80	15.0302.0075	Cắt chỉ sau phẫu thuật	Cắt chỉ sau phẫu thuật	40,300	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.
81	02.0009.0077	Chọc dò dịch màng phổi	Chọc dò dịch màng phổi	153,700	
82	02.0242.0077	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	153,700	
83	02.0243.0077	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	153,700	

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
84	02.0008.0078	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	195,900	
85	02.0177.0086	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	126,700	
86	02.0363.0086	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm	126,700	
87	15.0219.1888	Đặt nội khí quản	Đặt nội khí quản	600,500	
88	02.0244.0103	Đặt ống thông dạ dày	Đặt ống thông dạ dày	101,800	
89	03.0167.0103	Đặt ống thông dạ dày	Đặt ống thông dạ dày	101,800	
90	02.0349.0112	Hút dịch khớp gối	Hút dịch khớp gối	129,600	
91	02.0361.0112	Hút nang bao hoạt dịch	Hút nang bao hoạt dịch	129,600	
92	02.0150.0114	Hút đờm hầu họng	Hút đờm hầu họng	14,100	
93	02.0233.0158	Rửa bàng quang	Rửa bàng quang	230,500	Chưa bao gồm hóa chất.
94	01.0218.0159	Rửa dạ dày cấp cứu	Rửa dạ dày cấp cứu	152,000	
95	02.0313.0159	Rửa dạ dày cấp cứu	Rửa dạ dày cấp cứu	152,000	
96	15.0135.0168	Sinh thiết hốc mũi	Sinh thiết hốc mũi	138,500	
97	15.0211.0168	Sinh thiết u họng miệng	Sinh thiết u họng miệng	138,500	
98	15.0303.0200	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]	64,300	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.
99	15.0303.2047	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	89,500	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
100	15.0303.0202	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	121,400	
101	02.0163.0203	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	148,600	
102	15.0303.0204	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	193,600	
103	15.0303.0205	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	275,600	
104	15.0220.0206	Thay canuyn	Thay canuyn	263,700	
105	02.0188.0210	Đặt sonde bàng quang	Đặt sonde bàng quang	101,800	
106	03.0133.0210	Thông tiểu	Thông tiểu	101,800	
107	01.0223.0211	Đặt ống thông hậu môn	Đặt ống thông hậu môn	92,400	
108	02.0339.0211	Thụt tháo phân	Thụt tháo phân	92,400	
109	03.0178.0211	Đặt sonde hậu môn	Đặt sonde hậu môn	92,400	
110	03.2358.0211	Đặt sonde hậu môn	Đặt sonde hậu môn	92,400	
111	15.0051.0216	Khâu vết rách vành tai	Khâu vết rách vành tai	194,700	
112	15.0301.0216	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài < 10 cm]	194,700	
113	15.0301.0217	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm]	269,500	
114	15.0301.0218	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài < 10 cm]	289,500	
115	15.0301.0219	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm]	354,200	
116	03.0767.0272	Thủy trị liệu	Thủy trị liệu	68,900	
117	03.0768.0272	Thủy trị liệu có thuốc	Thủy trị liệu có thuốc	68,900	
118	05.0003.0272	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	68,900	

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
119	02.0068.0277	Vận động trị liệu hô hấp	Vận động trị liệu hô hấp	32,900	
120	02.0166.0283	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	64,900	
121	03.2998.0323	Đắp mặt nạ điều trị bệnh da	Đắp mặt nạ điều trị bệnh da	231,700	
122	05.0071.0323	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da	231,700	
123	05.0051.0324	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	380,200	
124	13.0155.0334	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	889,700	
125	14.0215.0505	Rạch áp xe mi	Rạch áp xe mi	218,500	
126	14.0216.0505	Rạch áp xe túi lệ	Rạch áp xe túi lệ	218,500	
127	15.0304.0505	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	218,500	
128	03.0112.0508	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	58,400	
129	13.0054.0600	Trích áp xe tầng sinh môn	Trích áp xe tầng sinh môn	873,000	
130	13.0151.0601	Trích áp xe tuyến Bartholin	Trích áp xe tuyến Bartholin	951,600	
131	13.0163.0602	Trích áp xe vú	Trích áp xe vú	251,500	
132	13.0157.0619	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	236,500	
133	13.0040.0629	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	94,600	
134	13.0148.0630	Lấy dị vật âm đạo	Lấy dị vật âm đạo	653,700	
135	13.0048.0640	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	313,500	
136	13.0166.0715	Soi cổ tử cung	Soi cổ tử cung	68,100	
137	13.0144.0721	Thủ thuật xoắn polyp cổ tử cung, âm đạo	Thủ thuật xoắn polyp cổ tử cung, âm đạo	436,200	
138	14.0206.0730	Bơm rửa lệ đạo	Bơm rửa lệ đạo	41,200	
139	14.0207.0738	Trích chấp, lệ, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc	Trích chấp, lệ, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc	85,500	
140	14.0262.0751	Đo độ lác	Đo độ lác	77,000	

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
141	14.0265.0751	Đo thị giác 2 mắt	Đo thị giác 2 mắt	77,000	
142	14.0255.0755	Đo nhãn áp	Đo nhãn áp	31,600	
143	14.0171.0769	Khâu da mi đơn giản	Khâu da mi đơn giản	897,100	
144	14.0201.0769	Khâu kết mạc	Khâu kết mạc [gây tê]	897,100	
145	14.0174.0773	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	1,043,500	
146	14.0214.0778	Bóc giả mạc	Bóc giả mạc	99,400	
147	14.0213.0778	Bóc sợi giác mạc	Bóc sợi giác mạc	99,400	
148	14.0200.0782	Lấy dị vật kết mạc	Lấy dị vật kết mạc	71,500	
149	14.0202.0785	Lấy calci kết mạc	Lấy calci kết mạc	40,900	
150	14.0210.0799	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	40,900	
151	14.0222.0801	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	130,900	
152	14.0211.0842	Rửa cùng đồ	Rửa cùng đồ	48,300	Áp dụng cho 1 mắt hoặc 2 mắt
153	03.0152.0849	Soi đáy mắt cấp cứu	Soi đáy mắt cấp cứu	60,000	
154	14.0218.0849	Soi đáy mắt trực tiếp	Soi đáy mắt trực tiếp	60,000	
155	14.0197.0854	Bơm thông lệ đạo	Bơm thông lệ đạo [hai mắt]	105,800	
156	14.0197.0855	Bơm thông lệ đạo	Bơm thông lệ đạo [một mắt]	65,100	
157	14.0193.0856	Tiêm dưới kết mạc	Tiêm dưới kết mạc	55,000	Chưa bao gồm thuốc.
158	14.0194.0857	Tiêm cạnh nhãn cầu	Tiêm cạnh nhãn cầu	55,000	Chưa bao gồm thuốc.
159	14.0195.0857	Tiêm hậu nhãn cầu	Tiêm hậu nhãn cầu	55,000	Chưa bao gồm thuốc.
160	14.0212.0864	Cấp cứu bong mắt ban đầu	Cấp cứu bong mắt ban đầu	344,200	
161	15.0142.0868	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu [1 bên]	216,500	
162	15.0142.0869	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu [2 bên]	286,500	
163	15.0056.0882	Chọc hút dịch vành tai	Chọc hút dịch vành tai	64,300	

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
164	15.0217.0892	Áp lạnh Amidan (Nito, CO2 lỏng)	Áp lạnh Amidan (Nito, CO2 lỏng)	225,500	
165	15.0216.0893	Áp lạnh họng hạt (Nito, CO2 lỏng)	Áp lạnh họng hạt (Nito, CO2 lỏng)	141,500	
166	15.0216.0894	Áp lạnh họng hạt (Nito, CO2 lỏng)	Áp lạnh họng hạt (Nito, CO2 lỏng)	156,300	
167	15.0215.0895	Đốt họng hạt bằng nhiệt	Đốt họng hạt bằng nhiệt	89,400	
168	15.0139.0897	Phương pháp Proetz	Phương pháp Proetz	69,300	
169	01.0086.0898	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	27,500	Chưa bao gồm thuốc khí dung.
170	02.0032.0898	Khí dung thuốc giãn phế quản	Khí dung thuốc giãn phế quản	27,500	Chưa bao gồm thuốc khí dung.
171	03.0089.0898	Khí dung thuốc cấp cứu	Khí dung thuốc cấp cứu	27,500	Chưa bao gồm thuốc khí dung.
172	15.0222.0898	Khí dung mũi họng	Khí dung mũi họng	27,500	Chưa bao gồm thuốc khí dung.
173	15.0218.0899	Bơm thuốc thanh quản	Bơm thuốc thanh quản	22,000	Chưa bao gồm thuốc.
174	15.0058.0899	Làm thuốc tai	Làm thuốc tai	22,000	Chưa bao gồm thuốc.
175	15.0213.0900	Lấy dị vật hạ họng	Lấy dị vật hạ họng	43,100	
176	15.0212.0900	Lấy dị vật họng miệng	Lấy dị vật họng miệng	43,100	
177	15.0144.0906	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê [gây mê]	705,500	
178	15.0144.0907	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê [không gây mê]	213,900	
179	15.0059.0908	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	70,300	
180	15.0208.0916	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amidan, nạo VA	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amidan, nạo VA	139,000	
181	15.0140.0916	Nhét bắc mũi sau	Nhét bắc mũi sau	139,000	
182	15.0141.0916	Nhét bắc mũi trước	Nhét bắc mũi trước	139,000	

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
183	15.0138.0920	Chọc rửa xoang hàm	Chọc rửa xoang hàm	310,500	
184	15.0137.0931	Nội soi sinh thiết u vòm	Nội soi sinh thiết u vòm [gây mê]	1,601,900	
185	15.0137.0932	Nội soi sinh thiết u vòm	Nội soi sinh thiết u vòm [gây tê]	545,500	
186	15.0052.0993	Bơm hơi vòm nhĩ	Bơm hơi vòm nhĩ	126,500	
187	15.0050.0994	Trích rạch màng nhĩ	Trích rạch màng nhĩ	69,300	
188	15.0207.0995	Trích áp xe quanh Amidan	Trích áp xe quanh Amidan	771,900	
189	15.0214.1002	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	1,075,700	
190	15.0136.1005	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	321,400	
191	15.0145.1006	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (bạc nitrat)	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (bạc nitrat)	153,600	
192	15.0147.1006	Hút rửa mũi, xoang sau mũi	Hút rửa mũi, xoang sau mũi	153,600	
193	16.0214.1007	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	178,900	
194	16.0298.1009	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	414,400	
195	16.0230.1010	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	380,100	
196	16.0232.1016	Điều trị tủy răng sữa	Điều trị tủy răng sữa [một chân]	296,100	
197	16.0232.1017	Điều trị tủy răng sữa	Điều trị tủy răng sữa [nhiều chân]	415,500	
198	16.0072.1018	Phục hồi cổ răng bằng Composite	Phục hồi cổ răng bằng Composite	369,500	
199	16.0075.1018	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng laser	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng laser	369,500	
200	16.0071.1018	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	369,500	
201	16.0074.1018	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng laser	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng laser	369,500	
202	16.0236.1019	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement	112,500	

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
203	16.0043.1020	Lấy cao răng	Lấy cao răng [hai hàm]	159,100	
204	16.0043.1021	Lấy cao răng	Lấy cao răng [một vùng hoặc một hàm]	92,500	
205	16.0335.1022	Nắn sai khớp thái dương hàm	Nắn sai khớp thái dương hàm	110,800	
206	16.0205.1024	Nhổ chân răng vĩnh viễn	Nhổ chân răng vĩnh viễn	217,200	
207	16.0204.1025	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	110,600	
208	16.0206.1026	Nhổ răng thừa	Nhổ răng thừa	239,500	
209	16.0203.1026	Nhổ răng vĩnh viễn	Nhổ răng vĩnh viễn	239,500	
210	16.0239.1029	Nhổ chân răng sữa	Nhổ chân răng sữa	46,600	
211	16.0238.1029	Nhổ răng sữa	Nhổ răng sữa	46,600	
212	16.0068.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	280,500	
213	16.0070.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	280,500	
214	16.0057.1032	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	308,000	
215	16.0226.1035	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	245,500	
216	16.0225.1035	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	245,500	
217	16.0224.1035	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	245,500	
218	16.0222.1035	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp	245,500	
219	16.0220.1042	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	601,000	
220	16.0233.1050	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	493,500	
221	16.0234.1050	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	493,500	
222	16.0337.1053	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	1,832,000	

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
223	03.3025.1149	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết dưới 20% diện tích cơ thể	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết dưới 20% diện tích cơ thể	458,200	
224	03.3026.1150	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết trên 20% diện tích cơ thể	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết trên 20% diện tích cơ thể	618,300	
225	22.0021.1219	Co cục máu đông (tên khác: Co cục máu)	Co cục máu đông (tên khác: Co cục máu)	16,000	
226	22.0014.1242	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động	110,300	
227	22.0012.1254	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động	60,800	
228	22.0502.1267	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu [khối hồng cầu, khối bạch cầu]	24,800	
229	22.0502.1268	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu [chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương]	22,200	
230	22.0279.1269	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)	42,100	
231	22.0280.1269	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật phiến đá)	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật phiến đá)	42,100	
232	22.0283.1269	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên giấy)	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên giấy)	42,100	
233	22.0284.1270	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên thẻ)	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên thẻ)	62,200	
234	22.0291.1280	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật ống nghiệm)	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật ống nghiệm)	33,500	
235	22.0292.1280	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật phiến đá)	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật phiến đá)	33,500	
236	22.0281.1281	Định nhóm máu khó hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)	Định nhóm máu khó hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)	222,700	
237	22.0123.1297	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	70,800	
238	22.0124.1298	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	74,600	
239	22.0142.1304	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	24,800	

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
240	22.0308.1306	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (kỹ thuật ống nghiệm)	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (kỹ thuật ống nghiệm)	87,000	
241	22.0304.1306	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (kỹ thuật ống nghiệm)	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (kỹ thuật ống nghiệm)	87,000	
242	22.0015.1308	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)	31,100	
243	22.0020.1347	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	52,100	
244	22.0019.1348	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	13,600	
245	22.0003.1351	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công	59,500	
246	22.0002.1352	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	68,400	
247	22.0009.1353	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động	43,500	
248	22.0006.1354	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) bằng máy bán tự động	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) bằng máy bán tự động	43,500	
249	22.0140.1360	Tìm giun chỉ trong máu	Tìm giun chỉ trong máu	37,300	
250	22.0137.1361	Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ	Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ	18,600	
251	22.0139.1362	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)	39,700	
252	22.0136.1363	Tìm mảnh vỡ hồng cầu	Tìm mảnh vỡ hồng cầu	18,600	
253	22.0119.1368	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	39,700	
254	22.0120.1370	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	43,500	

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
255	22.0163.1412	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	37,300	
256	23.0058.1487	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	30,200	Áp dụng cho cả trường hợp cho kết quả nhiều hơn 3 chỉ số
257	23.0026.1493	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]	22,400	Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được.
258	23.0027.1493	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	22,400	Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được.
259	23.0025.1493	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	22,400	Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được.
260	23.0019.1493	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	22,400	Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được.

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
261	23.0020.1493	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	22,400	Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được.
262	23.0003.1494	Định lượng Acid Uric [Máu]	Định lượng Acid Uric [Máu]	22,400	Mỗi chất
263	23.0007.1494	Định lượng Albumin [Máu]	Định lượng Albumin [Máu]	22,400	Mỗi chất
264	23.0051.1494	Định lượng Creatinin (máu)	Định lượng Creatinin (máu)	22,400	Mỗi chất
265	23.0075.1494	Định lượng Glucose [Máu]	Định lượng Glucose [Máu]	22,400	Mỗi chất
266	23.0128.1494	Định lượng Phospho (máu)	Định lượng Phospho (máu)	22,400	Mỗi chất
267	23.0133.1494	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	22,400	Mỗi chất
268	23.0166.1494	Định lượng Urê máu [Máu]	Định lượng Urê máu [Máu]	22,400	Mỗi chất
269	23.0010.1494	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	22,400	Mỗi chất
270	23.0060.1496	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]	33,600	
271	23.0041.1506	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	28,000	
272	23.0084.1506	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	28,000	
273	23.0112.1506	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	28,000	
274	23.0158.1506	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	28,000	
275	23.0234.1510	Đường máu mao mạch	Đường máu mao mạch	16,000	
276	23.0077.1518	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	20,000	
277	23.0173.1575	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]	44,800	

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
278	23.0172.1580	Điện giải (Na, K, Cl) [niệu]	Điện giải (Na, K, Cl) [niệu]	30,200	Áp dụng cho cả trường hợp cho kết quả nhiều hơn 3 chỉ số.
279	23.0188.1586	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]	44,800	
280	23.0195.1589	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]	44,800	
281	23.0194.1589	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	44,800	
282	23.0193.1589	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]	44,800	
283	01.0372.1591	Xét nghiệm định tính porphyrin trong nước tiểu	Xét nghiệm định tính porphyrin trong nước tiểu	50,400	
284	23.0202.1592	Định tính Protein Bence-Jones [niệu]	Định tính Protein Bence-Jones [niệu]	22,400	
285	23.0187.1593	Định lượng Glucose (niệu)	Định lượng Glucose (niệu)	14,400	
286	22.0149.1594	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	44,800	
287	23.0222.1596	Đo tỷ trọng dịch chọc dò	Đo tỷ trọng dịch chọc dò	28,600	
288	23.0206.1596	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	28,600	
289	23.0222.1597	Đo tỷ trọng dịch chọc dò	Đo tỷ trọng dịch chọc dò	4,900	
290	23.0198.1602	Định tính Phospho hữu cơ [niệu]	Định tính Phospho hữu cơ [niệu]	6,600	
291	23.0209.1606	Phản ứng Pandy [dịch]	Phản ứng Pandy [dịch]	8,800	
292	23.0220.1608	Phản ứng Rivalta [dịch]	Phản ứng Rivalta [dịch]	8,800	
293	24.0169.1616	HIV Ab test nhanh	HIV Ab test nhanh	58,600	
294	24.0144.1621	HCV Ab test nhanh	HCV Ab test nhanh	58,600	
295	24.0094.1623	Streptococcus pyogenes ASO	Streptococcus pyogenes ASO	45,500	
296	24.0060.1627	Chlamydia test nhanh	Chlamydia test nhanh	78,300	
297	22.0630.1637	Xét nghiệm kháng thể kháng Dengue IgG và IgM (phương pháp thấm miễn dịch)	Xét nghiệm kháng thể kháng Dengue IgG và IgM (phương pháp thấm miễn dịch)	142,500	
298	24.0187.1637	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	142,500	

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
299	24.0183.1637	Dengue virus NS1Ag test nhanh	Dengue virus NS1Ag test nhanh	142,500	
300	24.0184.1637	Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh	Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh	142,500	
301	24.0225.2041	EV71 IgM/IgG test nhanh	EV71 IgM/IgG test nhanh	125,000	
302	24.0127.1643	HBcAb test nhanh	HBcAb test nhanh	65,200	
303	24.0133.1643	HBeAb test nhanh	HBeAb test nhanh	65,200	
304	24.0122.1643	HBsAb test nhanh	HBsAb test nhanh	65,200	
305	24.0130.1645	HBeAg test nhanh	HBeAg test nhanh	65,200	
306	24.0117.1646	HBsAg test nhanh	HBsAg test nhanh	58,600	
307	24.0073.1658	Helicobacter pylori Ag test nhanh	Helicobacter pylori Ag test nhanh	171,100	Áp dụng với trường hợp người bệnh không nội soi dạ dày hoặc tá tràng.
308	24.0170.2042	HIV Ag/Ab test nhanh	HIV Ag/Ab test nhanh	107,300	Xét nghiệm cho kết quả đồng thời Ab và Ag
309	24.0264.1664	Hồng cầu trong phân test nhanh	Hồng cầu trong phân test nhanh	71,600	
310	24.0243.1671	Influenza virus A, B test nhanh	Influenza virus A, B test nhanh	185,700	
311	24.0311.1674	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) ấu trùng soi mảnh sinh thiết	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) ấu trùng soi mảnh sinh thiết	45,500	
312	24.0305.1674	Demodex soi tươi	Demodex soi tươi	45,500	
313	24.0266.1674	Đơn bảo đường ruột nhuộm soi	Đơn bảo đường ruột nhuộm soi	45,500	
314	24.0265.1674	Đơn bảo đường ruột soi tươi	Đơn bảo đường ruột soi tươi	45,500	
315	24.0284.1674	Filaria (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi	Filaria (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi	45,500	
316	24.0312.1674	Gnathostoma ấu trùng soi mảnh sinh thiết	Gnathostoma ấu trùng soi mảnh sinh thiết	45,500	
317	24.0308.1674	Phthirus pubis (Rận mu) nhuộm soi	Phthirus pubis (Rận mu) nhuộm soi	45,500	
318	24.0307.1674	Phthirus pubis (Rận mu) soi tươi	Phthirus pubis (Rận mu) soi tươi	45,500	
319	24.0310.1674	Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) nhuộm soi	Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) nhuộm soi	45,500	

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
320	24.0309.1674	Sarcoptes scabies hominis (Ghê) soi tươi	Sarcoptes scabies hominis (Ghê) soi tươi	45,500	
321	24.0269.1674	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	45,500	
322	24.0314.1674	Taenia (Sán dây) soi tươi định danh	Taenia (Sán dây) soi tươi định danh	45,500	
323	24.0315.1674	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) soi mảnh sinh thiết	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) soi mảnh sinh thiết	45,500	
324	24.0316.1674	Trichinella spiralis (Giun xoắn) soi mảnh sinh thiết	Trichinella spiralis (Giun xoắn) soi mảnh sinh thiết	45,500	
325	24.0318.1674	Trichomonas vaginalis nhuộm soi	Trichomonas vaginalis nhuộm soi	45,500	
326	24.0317.1674	Trichomonas vaginalis soi tươi	Trichomonas vaginalis soi tươi	45,500	
327	24.0268.1674	Trứng giun soi tập trung	Trứng giun soi tập trung	45,500	
328	24.0267.1674	Trứng giun, sán soi tươi	Trứng giun, sán soi tươi	45,500	
329	24.0321.1674	Vi nấm nhuộm soi	Vi nấm nhuộm soi	45,500	
330	24.0319.1674	Vi nấm soi tươi	Vi nấm soi tươi	45,500	
331	24.0080.1675	Leptospira test nhanh	Leptospira test nhanh	151,600	
332	24.0028.1682	Mycobacterium tuberculosis định danh và kháng RMP Xpert	Mycobacterium tuberculosis định danh và kháng RMP Xpert	720,500	Đã bao gồm test xét nghiệm. Mức giá đề xuất bằng mức giá đã ban hành của Bệnh viện Phổi trung ương tại Quyết định số 3295/QĐ-BYT ngày 05/11/2024
333	24.0289.1694	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	35,100	
334	24.0155.1696	HAV Ab test nhanh	HAV Ab test nhanh	130,500	
335	24.0163.1696	HEV Ab test nhanh	HEV Ab test nhanh	130,500	
336	24.0164.1696	HEV IgM test nhanh	HEV IgM test nhanh	130,500	

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
337	24.0249.1697	Rotavirus test nhanh	Rotavirus test nhanh	194,700	
338	24.0254.1701	Rubella virus Ab test nhanh	Rubella virus Ab test nhanh	163,600	
339	24.0093.1703	Salmonella Widal	Salmonella Widal	194,700	
340	24.0016.1712	Vi hệ đường ruột	Vi hệ đường ruột	32,500	
341	24.0017.1714	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	74,200	
342	24.0039.1714	Mycobacterium leprae nhuộm soi	Mycobacterium leprae nhuộm soi	74,200	
343	24.0049.1714	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi	74,200	
344	24.0056.1714	Neisseria meningitidis nhuộm soi	Neisseria meningitidis nhuộm soi	74,200	
345	24.0096.1714	Treponema pallidum nhuộm soi	Treponema pallidum nhuộm soi	74,200	
346	24.0095.1714	Treponema pallidum soi tươi	Treponema pallidum soi tươi	74,200	
347	24.0001.1714	Vi khuẩn nhuộm soi	Vi khuẩn nhuộm soi	74,200	
348	24.0043.1714	Vibrio cholerae nhuộm soi	Vibrio cholerae nhuộm soi	74,200	
349	24.0042.1714	Vibrio cholerae soi tươi	Vibrio cholerae soi tươi	74,200	
350	24.0003.1715	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	261,000	
351	24.0270.1720	Cryptosporidium test nhanh	Cryptosporidium test nhanh	261,000	
352	24.0185.1720	Dengue virus IgA test nhanh	Dengue virus IgA test nhanh	261,000	
353	24.0085.1720	Mycoplasma hominis test nhanh	Mycoplasma hominis test nhanh	261,000	
354	24.0291.1720	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	261,000	
355	24.0098.1720	Treponema pallidum test nhanh	Treponema pallidum test nhanh	261,000	
356	24.0103.1720	Ureaplasma urealyticum test nhanh	Ureaplasma urealyticum test nhanh	261,000	
357	24.0002.1720	Vi khuẩn test nhanh	Vi khuẩn test nhanh	261,000	
358	24.0320.1720	Vi nấm test nhanh	Vi nấm test nhanh	261,000	
359	24.0108.1720	Virus test nhanh	Virus test nhanh	261,000	
360	24.0360.1727	Xét nghiệm cận dư phân	Xét nghiệm cận dư phân	58,600	

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
B	Dịch vụ khám bệnh chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh chữa bệnh theo yêu cầu				
I	Dịch vụ khám bệnh và hội chẩn				
1			Khám sức khỏe toàn diện lao động, lái xe, khám sức khỏe định kỳ (không kể xét nghiệm, X-quang)	160,000	
II	Dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm				
1		Cấy - tháo thuốc tránh thai	Cấy - tháo thuốc tránh thai	251,400	
2		Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút	70,200	

Phụ lục số 76

**GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI TRẠM Y TẾ TRỰC THUỘC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
A	Dịch vụ khám bệnh chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; Dịch vụ khám bệnh chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán				
I	Dịch vụ khám bệnh và hội chẩn				
1			Giá Khám bệnh	36,500	

Phụ lục số 77

**GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI TRẠM Y TẾ TRỰC THUỘC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ HÀ NỘI**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá	Ghi chú
A	Dịch vụ khám bệnh chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; Dịch vụ khám bệnh chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán				
I	Dịch vụ khám bệnh và hội chẩn				
1			Giá Khám bệnh	36,500	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2024/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân,
Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và
Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng
nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 20**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 9 Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

*Xét Tờ trình số 12/TTr-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2024 của Thường trực
Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy chế làm
việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội
đồng nhân dân và Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại
biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 2: Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2024

QUY CHẾ LÀM VIỆC

**Của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân,
các Ban của Hội đồng nhân dân và Bộ phận chuyên trách các
Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và
đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, chế độ, hình thức làm việc, quan hệ công tác, quy trình, trách nhiệm giải quyết công việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân; trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Ủy viên Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu hoạt động chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội (sau đây gọi chung là Hội đồng nhân dân Thành phố).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Ủy viên của Ban, đại biểu hoạt động chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố; Chánh Văn

phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động và chế độ làm việc

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân.

2. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân Thành phố được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp Hội đồng nhân dân, hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố; và hiệu quả của sự phối hợp hoạt động với Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các cơ quan, tổ chức khác.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân Thành phố, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các quy định khác của luật có liên quan và quy chế này; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Hội đồng nhân dân Thành phố.

4. Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố là cơ quan của Hội đồng nhân dân, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của luật và Quy chế này; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; ban hành văn bản và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân Thành phố để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm giải quyết các công việc thường xuyên của Ban trong thời gian Ban không họp. Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm trước Thường trực Hội đồng nhân dân, tập thể Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của luật; được bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Chương II

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Mục 1

KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 4. Chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố

Công tác chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố được thực hiện sau trình tự sau đây:

1. Căn cứ quy định của pháp luật, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và thực tiễn của Thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố chỉ đạo Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân phối hợp với Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn rà soát các nội dung dự kiến trình tại kỳ họp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức hội nghị giữa Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các cơ quan liên quan để thống nhất thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố báo cáo cấp có thẩm quyền về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp theo quy định.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành thông báo về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp; kế hoạch tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp (đối với kỳ họp thường lệ); đồng thời phân công các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố thẩm tra các nội dung trình kỳ họp theo quy định của luật và lĩnh vực phụ trách theo dõi.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc chuẩn bị các tài liệu và tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 5. Chương trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Hằng năm, Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố thống nhất Kế hoạch xây dựng, ban hành các Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân Thành phố trong năm. Trên cơ sở nội dung thống nhất, Thường trực Hội đồng nhân dân phân công Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phân công cơ quan của

Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện. Các Nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật phải được thực hiện theo đúng các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố gửi Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố đề xuất xây dựng nghị quyết, cơ chế, chính sách và nội dung khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố. Các báo cáo trình Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố phân công cơ quan chuẩn bị Đề án, tờ trình, dự thảo Nghị quyết, các báo cáo.

3. Các tài liệu do Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố gửi các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố để thẩm tra; đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (nếu có yêu cầu phản biện xã hội) đảm bảo tiến độ, thời gian theo quy định của Luật.

Điều 6. Trách nhiệm của Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố trong công tác thẩm tra

1. Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố theo lĩnh vực phụ trách và phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân, thực hiện thẩm tra các báo cáo, Đề án, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết theo quy định của luật và theo Quy chế này. Trước khi họp tập thể Ban thẩm tra, Bộ phận chuyên trách Ban báo cáo Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách lĩnh vực về kết quả nghiên cứu, khảo sát, xin ý kiến chỉ đạo trước khi tổ chức họp thẩm tra.

2. Nếu nội dung thẩm tra liên quan đến nhiều lĩnh vực do nhiều Ban của Hội đồng nhân dân phụ trách, Thường trực Hội đồng nhân dân phân công, điều hòa và giao cho một Ban của Hội đồng nhân dân chủ trì thẩm tra, tổng hợp kết quả thẩm tra. Ban của Hội đồng nhân dân được giao chủ trì chủ động phối hợp xin ý kiến thẩm tra và chịu trách nhiệm chính để tổng hợp báo cáo; nếu còn có các ý kiến khác nhau thì Ban của Hội đồng nhân dân được giao chủ trì tổng hợp báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân trước khi trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

3. Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân chủ động phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân Thành phố trong

quá trình xây dựng Đề án, Báo cáo, Tờ trình và dự thảo Nghị quyết đề trình Hội đồng nhân dân.

Điều 7. Chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Thường trực Hội đồng nhân dân dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định tại Điều 79 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 78 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua tại phiên họp trừ bị hoặc phiên khai mạc kỳ họp theo trình tự sau đây:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân thông qua dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố;

Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân thảo luận, cho ý kiến về dự kiến nội dung chương trình kỳ họp;

c) Chủ tọa kết luận;

d) Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 8. Kỳ họp thứ nhất, phiên khai mạc, phiên bế mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa trước hoặc Triệu tập viên là Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng nhân dân cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu được Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa mới.

2. Phiên khai mạc được tổ chức vào phiên họp đầu tiên của kỳ họp Hội đồng nhân dân. Trước phiên khai mạc, Hội đồng nhân dân tổ chức họp phiên trừ bị (nếu có) để xem xét, thông qua chương trình kỳ họp và một số nội dung khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

Phiên khai mạc Hội đồng nhân dân thực hiện một số nội dung chính theo trình tự sau: Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; phát biểu khai mạc, phát biểu chỉ đạo của cấp trên (nếu có) và một số nội dung khác theo Chương trình kỳ họp đã được thông qua.

3. Phiên bế mạc được tổ chức sau khi Hội đồng nhân dân hoàn thành toàn bộ nội dung theo chương trình kỳ họp đã được thông qua và thực hiện một số nội dung chính theo trình tự sau: Chủ tọa kỳ họp phát biểu bế mạc, Chào cờ.

Điều 9. Trách nhiệm của Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Chủ tọa điều hành phiên họp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân gồm: Chủ tịch Hội đồng nhân dân; các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện điều hành theo sự phân công của Chủ tịch; Triệu tập viên tại kỳ họp thứ nhất theo quy định của Luật.

2. Chủ tọa các phiên họp có trách nhiệm điều hành theo trình tự quy định tại Quy chế này.

Điều 10. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp

1. Chấp hành các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các luật có liên quan và Nội quy kỳ họp Hội đồng nhân dân.

2. Tập trung nghiên cứu, tham gia thảo luận, góp ý kiến vào các nội dung tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và thực hiện quyền chất vấn; biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

3. Trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân thì phải có lý do, báo cáo bằng văn bản và được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tọa kỳ họp.

4. Đeo phù hiệu khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn với tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân.

5. Trả lời phỏng vấn và cung cấp thông tin về kỳ họp Hội đồng nhân dân phải bảo đảm chính xác, khách quan, trừ thông tin, tài liệu theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

6. Sử dụng, bảo quản tài liệu kỳ họp (bao gồm cả tài liệu mật), nội dung phiên họp kín theo quy định.

Điều 11. Thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định thành lập Tổ thảo luận gồm Tổ trưởng, Tổ phó và ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân để thảo luận về chương trình và các nội dung trình tại kỳ họp.

2. Tổ trưởng Tổ thảo luận có trách nhiệm tổ chức để đại biểu trong Tổ thực hiện chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân và các quy định khác về kỳ họp; tổ chức và điều hành hoạt động của Tổ theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân; giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Tổ phó Tổ thảo luận của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân giúp Tổ Trưởng thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ Trưởng. Khi Tổ Trưởng vắng mặt thì Tổ phó thực hiện nhiệm vụ do Tổ Trưởng phân công.

Điều 12. Thư ký kỳ họp của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố đề xuất Chủ tọa kỳ họp phân công Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện công tác thư ký kỳ họp.

2. Thư ký kỳ họp thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp, gồm các nội dung sau đây:

a) Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp;

b) Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp;

c) Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại phiên họp toàn thể và tại cuộc họp Tổ thảo luận tại kỳ họp;

d) Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 13. Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Tài liệu phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân Thành phố do người đứng đầu cơ quan, đơn vị trình ký, trường hợp khuyết người đứng đầu thì sẽ do cấp phó ký và được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố (qua Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố) để gửi đến đại biểu

Hội đồng nhân dân theo thời hạn quy định. Tài liệu chính thức được lưu hành bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (trừ trường hợp thuộc bí mật nhà nước).

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố có thể cung cấp thông tin, tài liệu khác liên quan đến nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân khi đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định chế độ quản lý và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân đối với các loại văn bản (văn bản thu hồi, văn bản bí mật nhà nước...) và tài liệu khác phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân.

4. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm đăng tải trên trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân Thành phố theo quyết định Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 14. Các hình thức làm việc tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Các phiên họp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố bao gồm:

a) Phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân.

b) Phiên họp thảo luận của Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân về nội dung thuộc chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân.

2. Trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân mời Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố có liên quan trao đổi về những vấn đề cần lưu ý trước khi trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

3. Các phiên họp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố được tiến hành công khai, trừ trường hợp họp kín thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trình tự, thủ tục Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định các nội dung theo thẩm quyền tại kỳ họp

1. Đại diện cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân Thành phố về Tờ trình, dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo và các tài liệu khác theo quy định hoặc theo yêu cầu của Chủ tọa kỳ họp.

2. Đại diện lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố được phân công thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra.

3. Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét thảo luận tại phiên họp toàn thể hoặc tổ chức thảo luận tại Tổ theo đề nghị của Chủ tọa kỳ họp.

4. Trong quá trình xem xét thảo luận tại phiên họp toàn thể, Chủ tọa nêu các vấn đề còn có ý khác nhau để Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tọa kỳ họp yêu cầu các cơ quan có liên quan báo cáo giải trình về những vấn đề đại biểu Hội đồng nhân dân quan tâm.

5. Tổ trưởng, Tổ phó tổ thảo luận điều hành thảo luận Tổ; báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tại tổ với Chủ tọa kỳ họp để tổng hợp chung trước khi trình Hội đồng nhân dân tại phiên họp toàn thể.

6. Mẫu báo cáo tổng hợp ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thảo luận do Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.

7. Cơ quan chủ trì xây dựng nội dung có trách nhiệm chủ động phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, Thư ký kỳ họp để xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu về những nội dung liên quan được thảo luận tại phiên họp toàn thể, phiên họp tổ.

8. Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua Nghị quyết theo trình tự sau:

a) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa kỳ họp phân công trình bày báo cáo giải trình, tiếp thu (nếu có); dự thảo Nghị quyết.

b) Hội đồng nhân dân thảo luận nội dung dự thảo Nghị quyết; Chủ tọa kỳ họp xin ý kiến đại biểu về những nội dung còn có ý kiến khác nhau (nếu có) trước khi nghị quyết được Hội đồng nhân dân thông qua.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua dự thảo Nghị quyết thông qua các hình thức giơ tay hoặc bấm nút điện tử hoặc bỏ phiếu kín. Đối với trường hợp bỏ phiếu kín, Chủ tọa kỳ họp báo cáo kết quả biểu quyết.

9. Nội dung Kỳ họp, các phiên họp toàn thể, phiên họp Tổ của Hội đồng nhân dân phải được lập thành biên bản và ký xác thực theo quy định.

Điều 16. Trình tự chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp

1. Trình tự chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố được thực hiện theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hội đồng nhân dân quy định cụ thể về thời gian nêu chất vấn, thời gian trả lời chất vấn, việc điều hành của chủ tọa và quyền tranh luận của đại biểu trong Nội quy kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc ban hành nghị quyết về chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố.

Trường hợp Hội đồng nhân dân quyết định ban hành nghị quyết về chất vấn thì Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố tổng hợp ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và người bị chất vấn để tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo nghị quyết về chất vấn, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân để trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua tại phiên bế mạc kỳ họp.

Điều 17. Trình tự xem xét, quyết định về công tác nhân sự thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân như sau:

a) Cơ quan hoặc người có thẩm có thẩm quyền giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến trình Hội đồng nhân dân bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân trong số các đại biểu Hội đồng nhân dân; kèm theo Hồ sơ và các tài liệu khác về người được giới thiệu vào các chức danh theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (kể cả đối với người tự ứng cử hoặc được đại biểu Hội đồng nhân dân đề cử ngoài danh sách do Chủ tọa kỳ họp giới thiệu).

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân thảo luận;

c) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được chủ tọa kỳ họp phân công báo cáo Hội đồng nhân dân về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có);

d) Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua danh sách để bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân;

đ) Hội đồng nhân dân bầu Ban Kiểm phiếu theo sự giới thiệu của Chủ tọa kỳ họp để thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

e) Hội đồng nhân dân bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân bằng hình thức bỏ phiếu kín;

g) Ban Kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu;

h) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được chủ tọa kỳ họp phân công trình Hội đồng nhân dân dự thảo nghị quyết xác nhận kết quả bầu chức danh;

i) Hội đồng nhân dân thảo luận về dự thảo nghị quyết;

k) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được chủ tọa phân công báo cáo Hội đồng nhân dân về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân về dự thảo nghị quyết (nếu có);

l) Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

2. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân bầu các chức danh của Ủy ban nhân dân:

a) Người có thẩm quyền giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến trình Hội đồng nhân dân bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân và gửi kèm theo Hồ sơ nhân sự như quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Người có thẩm quyền báo cáo Hội đồng nhân dân về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có);

c) Trình tự, thủ tục và Hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân bầu các chức danh của Ủy ban nhân dân thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân bầu Hội thẩm Tòa án nhân dân Thành phố:

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội trình danh sách đề Hội đồng nhân dân bầu Hội thẩm Tòa án nhân dân Thành phố;

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội báo cáo Hội đồng nhân dân về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có);

c) Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân bầu Hội thẩm tòa án nhân dân Thành phố thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu

a) Cơ quan, người có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu.

b) Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Căn cứ đơn xin thôi làm nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, trình Hội đồng nhân dân quyết định việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân.

b) Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Trình tự, thủ tục và hồ sơ trình Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân về việc bắt, giam, giữ, khởi tố và khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Theo đề nghị bằng văn bản của Viện kiểm sát nhân dân thụ lý vụ án, Hội đồng nhân dân (trong kỳ họp), Thường trực Hội đồng nhân dân (trong khoảng thời gian giữa hai kỳ họp) họp để xem xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thụ lý vụ án.

b) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thụ lý vụ án trình bày văn bản đề nghị Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét về việc bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân.

c) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được chủ tọa kỳ họp phân công (trong kỳ họp), đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân (trong thời gian giữa hai kỳ họp) trình bày dự thảo Nghị quyết về việc đồng ý hay không đồng ý bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân.

d) Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân xem xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân về việc bắt, giam, giữ, khởi tố và khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân theo khoản 1 Điều này; trình tự, thủ tục trình Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân về việc bắt, giam, giữ, khởi tố và khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân theo Điều 31 của Quy chế này.

Điều 18. Thông tin về kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Khi cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức họp báo để cung cấp thông tin về kỳ họp Hội đồng nhân dân.

2. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nghị quyết được ban hành, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố công khai nghị quyết của Hội đồng nhân dân trên trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân Thành phố, trừ trường hợp luật quy định khác.

3. Các phiên họp của Hội đồng nhân dân Thành phố được phát thanh, truyền hình trực tiếp theo Chương trình kỳ họp đã được Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua trên cơ sở đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

4. Cơ quan báo chí có thể được mời tham dự và đưa tin theo quyết định của Thường trực của Hội đồng nhân dân.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Điều 19. Hoạt động giám sát và chương trình, trình tự giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát theo quy định tại Điều 87 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điểm a Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định từ Điều 57 đến Điều 65 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Hội đồng nhân dân quyết định chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân theo trình tự quy định tại Điều 58 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

4. Trình tự tiến hành các hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân được thực hiện theo quy định từ Điều 57 đến Điều 65 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân xây dựng quy trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thủ đô, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và theo hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc đảm bảo hoạt động giám sát

1. Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm bảo đảm hoạt động giám sát tại các Điều 88, 89, 90 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân đúng quy định pháp luật. Khi cần thiết, chỉ đạo việc tổ chức lấy ý kiến, trưng cầu giám định, mời tổ chức, cá nhân, chuyên gia tham gia hoạt động giám sát.

Chương III

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Mục 1

TRÁCH NHIỆM VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 21. Nguyên tắc hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thủ đô, các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân Thành phố giao và các quy định khác có liên quan; bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả giải quyết công việc theo quy định và Quy chế này.

2. Hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; chấp hành nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan Trung ương; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm phát huy hiệu quả vai trò lãnh đạo của tập thể.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố bao gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các Ủy viên Thường trực là các Trưởng ban của Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố.

Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm tập thể trước Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thành ủy và Hội đồng nhân dân Thành phố.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phân công nhiệm vụ, điều hòa hoạt động của các thành viên đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm. Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân phải nghiêm túc thực hiện sự phân công; giải quyết công việc đảm bảo yêu cầu về chất lượng, tiến độ; phát huy đoàn kết nội bộ;

giữ gìn bí mật theo quy định nhà nước, thực hiện nghiêm túc chỉ đạo, kết luận của tập thể Thường trực Hội đồng nhân dân, không ngừng tự hoàn thiện để góp phần xây dựng tập thể Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố thống nhất, đoàn kết, vững mạnh và hiệu quả.

5. Phó Chủ tịch được phân công chịu trách nhiệm về các lĩnh vực được phân công phụ trách. Trường hợp công việc liên quan đến nhiều lĩnh vực thì một Phó Chủ tịch được Chủ tịch phân công chủ trì, phối hợp chỉ đạo giải quyết. Nếu giữa các Phó Chủ tịch có ý kiến khác nhau thì Phó Chủ tịch chủ trì vẫn giải quyết công việc và báo cáo Chủ tịch xin ý kiến trước khi quyết định.

6. Các Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân được phân công thực hiện công việc nào thì người đó chịu trách nhiệm chính về công việc đã được phân công. Trường hợp công việc liên quan đến nhiều lĩnh vực do nhiều Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân phụ trách thì Ủy viên được phân công chủ trì phải chủ động phối hợp và chịu trách nhiệm chính. Nếu giữa các Ủy viên vẫn có ý kiến khác nhau thì Ủy viên chủ trì báo cáo Phó Chủ tịch phụ trách khởi để chỉ đạo thực hiện.

Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân trước khi nghỉ hưu, chuyển công tác, đi công tác, học tập dài hạn phải bàn giao công việc theo quy định chung; bảo đảm hiệu quả công tác phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 22. Hình thức làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản.
3. Hội nghị, cuộc họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức.
4. Đoàn công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân.

5. Hoạt động của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 23. Chế độ làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức các phiên họp thường kỳ, đột xuất nhưng phải bảo đảm có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực

Hội đồng nhân dân tham dự. Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và những nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân Thành phố giao.

Các quyết định phải được quá nửa số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân nhất trí thông qua. Hình thức biểu quyết giơ tay, bỏ phiếu hoặc lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản theo quy định pháp luật. Trường hợp kết quả biểu quyết đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định theo ý kiến biểu quyết của Chủ tịch.

3. Trách nhiệm giải quyết công việc của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố:

a) Đối với những công việc chuẩn bị cho các kỳ họp Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật, trừ những trường hợp pháp luật quy định khác.

b) Đối với những công việc liên quan chuẩn bị cho các phiên họp thường kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân phải được thực hiện xong trước ngày tổ chức phiên họp. Cơ quan, người được giao thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm trước Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch phụ trách lĩnh vực.

c) Trường hợp Thường trực Hội đồng nhân dân không tổ chức được phiên họp, Chủ tịch quyết định lấy ý kiến biểu quyết của thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân bằng văn bản theo đề xuất của Phó Chủ tịch phụ trách lĩnh vực. Các Ban của Hội đồng nhân dân hoặc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố chuẩn bị nội dung, tài liệu, tờ trình, dự thảo kết luận, gửi các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân để xin biểu quyết bằng văn bản.

d) Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân phải có ý kiến biểu quyết bằng văn bản theo thời hạn quy định trong Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố. Kết quả biểu quyết bằng văn bản có giá trị như kết quả biểu quyết tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

đ) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm ghi biên bản diễn biến phiên họp hoặc tổng hợp các phiếu biểu quyết, lưu giữ; phối hợp cơ quan được giao chủ trì hoàn thiện các Thông báo kết luận hoặc Nghị quyết để trình ký.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xây dựng quy chế làm việc, quy trình giải quyết công việc cụ thể bảo đảm khoa học, hiệu quả và đúng quy định của luật.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thủ đô và các quy định pháp luật liên quan.

2. Chịu trách nhiệm cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm tập thể trước Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Lãnh đạo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các hoạt động giám sát, thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân Thành phố; phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân đối với Ủy ban nhân dân và các cơ quan nhà nước khác trên địa bàn Thành phố.

5. Quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

6. Trực tiếp hoặc phân công nhiệm vụ cho các Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Trường hợp vắng mặt hoặc do yêu cầu của nhiệm vụ, Chủ tịch phân công một Phó Chủ tịch thay mặt Chủ tịch lãnh đạo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, đồng thời xử lý công việc mà Chủ tịch phụ trách; ủy quyền, ủy nhiệm cho Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố ký một số thông báo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

7. Thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân giữ mối liên hệ với các cơ quan Trung ương, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trong cả nước, các tổ chức quốc tế trong quan hệ đối ngoại của Hội đồng nhân dân Thành phố, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố, Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố, các cơ quan nhà nước, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị xã hội Thành phố, các tổ chức xã hội khác và công dân.

8. Định kỳ hằng tháng, chủ trì giao ban của Thường trực Hội đồng nhân dân với Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân và lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định tại Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định pháp luật liên quan.

2. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công hoặc theo sự ủy quyền của Chủ tịch về hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân; giúp Chủ tịch trong việc điều hành phiên họp; tham gia chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân; khi Chủ tịch vắng mặt, một Phó Chủ tịch được ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch.

3. Phó Chủ tịch trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao phải chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm tập thể trước Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

4. Chỉ đạo xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch công tác tháng, quý, 6 tháng, năm, nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố, công tác chuẩn bị tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân và các công việc

liên quan khác (nếu có) và chủ trì các cuộc họp với cơ quan thông tấn, báo chí theo phân công của Chủ tịch.

5. Điều hòa phối hợp hoạt động các Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố và chỉ đạo Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân được Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố phân công phụ trách. Chủ động giải quyết công việc được phân công theo khối, lĩnh vực phụ trách và bảo đảm tiến độ, chất lượng; đối với những vấn đề lớn, tính chất nhạy cảm, phức tạp thì báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố để chỉ đạo và quyết định.

6. Theo dõi hoạt động của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố và tổ chức hoạt động của chính quyền cấp cơ sở theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố.

7. Chỉ đạo, đôn đốc hoạt động giám sát việc thực hiện tuân theo Hiến pháp và pháp luật, việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố và thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phân công.

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân; đồng thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn với vai trò là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố được quy định tại Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định pháp luật liên quan.

2. Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ được phân công.

3. Tổ chức thực hiện các nội dung công việc theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; khi cần thiết, kịp thời báo cáo, xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phụ trách về nội dung liên quan đến công việc được giao.

4. Trường hợp được Thường trực Hội đồng nhân dân phân công hoặc Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố ủy nhiệm, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân chủ trì cuộc họp, cuộc làm việc với lãnh đạo Sở, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố.

5. Tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Quy chế này và phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 27. Phạm vi, thẩm quyền ký văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố ký các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân; thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân ký các Nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân, kết luận của phiên họp và các văn bản có tính chất quan trọng của Thường trực Hội đồng nhân dân và các văn bản khác theo thẩm quyền.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân ký các văn bản, báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân theo lĩnh vực được phân công phụ trách và ký các văn bản khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Những vấn đề quan trọng phải báo cáo xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân trước khi ký văn bản:

a) Những vấn đề thuộc chủ trương, biện pháp quan trọng trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

b) Những nội dung báo cáo các cơ quan Trung ương; báo cáo Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy.

4. Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân ký các báo cáo và các văn bản khi được Chủ tịch phân công, ủy quyền.

Mục 2
HOẠT ĐỘNG CỦA THƯỜNG TRỰC
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 28. Chương trình, kế hoạch và báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

a) Kế hoạch công tác năm của Thường trực Hội đồng nhân dân bao gồm kế hoạch xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố; kế hoạch giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân và được ban hành trước ngày 05/01 hàng năm. Chương trình, kế hoạch được thể hiện chi tiết hoạt động, phân công rõ trách nhiệm lãnh đạo, cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp tham gia theo từng tháng, quý, 6 tháng, cả năm.

b) Căn cứ Nghị quyết về kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ trong năm và Nghị quyết chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố tham mưu, đề xuất với Thường trực Hội đồng nhân dân xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động năm của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

c) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm tổng hợp, tham mưu nội dung đề xuất của các cơ quan và trình Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định chương trình, kế hoạch.

d) Căn cứ chương trình, kế hoạch hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố xây dựng kế hoạch của cơ quan mình để triển khai Chương trình, kế hoạch công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố xong trước ngày 15/01 hằng năm.

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xây dựng các chương trình, kế hoạch khác để thực hiện các nhiệm vụ do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân Thành phố giao. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ phận chuyên trách các

Ban của Hội đồng nhân dân và các cơ quan liên quan tham mưu Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch.

2. Báo cáo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

a) Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố báo cáo kết quả hoạt động định kỳ 6 tháng, cả năm và các báo cáo khác theo quy định của luật và theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân Thành phố.

b) Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện tham mưu xây dựng báo cáo theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu.

Điều 29. Tổ chức phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức phiên họp định kỳ hàng tháng để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thủ đô, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp cần họp đột xuất để giải quyết công việc, phiên họp đột xuất được tổ chức theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc khi có đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc của ít nhất một phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân để giải quyết các công việc cấp bách, cần thiết thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân. Thời gian, thành phần họp do Chủ tịch Hội đồng nhân dân quyết định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xây dựng kế hoạch tổ chức các phiên họp trong năm trên cơ sở đề xuất của các Trưởng ban của Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố họp công khai. Trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức họp kín theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

5. Phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tham dự. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp,

nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

Điều 30. Chương trình phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Việc dự kiến chương trình và quyết định triệu tập phiên họp thường kỳ, phiên họp đột xuất thực hiện theo quy định tại Điều 106 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chương trình phiên họp trước khi bắt đầu nội dung phiên họp.

3. Trường hợp cần thiết, căn cứ tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình phiên họp.

Điều 31. Chuẩn bị nội dung phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố chỉ đạo chuẩn bị nội dung theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm chuẩn bị nội dung phiên họp theo quy định hoặc theo sự phân công.

Điều 32. Thành phần tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Thành phần mời dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định tại Điều 106 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố hoạt động chuyên trách; lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố được tham dự các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 33. Tài liệu phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Tài liệu chính thức của phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố được cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chuẩn bị theo dự kiến chương trình phiên họp. Tài liệu khác do Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định theo đề nghị của Trưởng ban của Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Cơ quan trình, Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố thẩm tra dự thảo, đề án, báo cáo gửi bản điện tử và bản giấy các loại tài liệu phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố đến Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Thời gian gửi tài liệu được quy định trong quy chế, quy trình làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 34. Chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố trong trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch Hội đồng nhân dân không thể tham dự phiên họp, chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xác định tính hợp lệ của phiên họp trên cơ sở thành phần tham dự phiên họp, nội dung tài liệu trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Nêu nội dung đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tập trung thảo luận;

c) Mời thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phát biểu hoặc mời đại biểu tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

d) Kết luận về nội dung thảo luận tại phiên họp;

đ) Nêu vấn đề để Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố biểu quyết;

e) Điều hành việc biểu quyết;

g) Bảo đảm thực hiện chương trình phiên họp, ký biên bản phiên họp.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố điều hành nội dung phiên họp theo sự ủy nhiệm, phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 35. Báo cáo tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Thành viên Ủy ban nhân dân theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trực tiếp báo cáo tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về dự thảo, đề án, báo cáo.

2. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố báo cáo tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về báo cáo thẩm tra, dự thảo các nội dung trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định theo phân công.

3. Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân trình, cơ quan thẩm tra, cơ quan chuẩn bị ý kiến về dự thảo, đề án, báo cáo trực tiếp báo cáo tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố điều hành nội dung phiên họp. Trường hợp đặc biệt, được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho cấp phó báo cáo thay.

4. Căn cứ nội dung, tình hình thực tế tại phiên họp, Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố điều hành nội dung phiên họp quyết định điều chỉnh thời gian trình bày tờ trình, báo cáo hoặc yêu cầu báo cáo, giải trình bổ sung.

Điều 36. Thảo luận tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố điều hành nội dung phiên họp xác định mục đích, yêu cầu, nội dung thảo luận; mời thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phát biểu; mời đại biểu tham dự phiên họp phát biểu ý kiến khi cần thiết.

2. Đối với dự thảo, đề án, báo cáo trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân Thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tập trung thảo luận, cho ý kiến về quan điểm, chủ trương, chính sách lớn hoặc vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau, tiến độ, điều kiện trình Hội đồng nhân dân Thành phố.

Đối với dự thảo, đề án, báo cáo trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định theo thẩm quyền, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thảo luận toàn diện các vấn đề trước khi quyết định.

Điều 37. Xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền tại phiên họp theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự thảo, đề án, báo cáo, đề nghị, kiến nghị trình bày tờ trình, báo cáo;

b) Đại diện lãnh đạo Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố trình bày báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo ý kiến (nếu có); đại diện lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố trình bày báo cáo ý kiến (nếu có);

c) Đại biểu tham dự phiên họp được mời phát biểu ý kiến;

d) Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố thảo luận;

đ) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự thảo, đề án, báo cáo phát biểu ý kiến giải trình, tiếp thu (nếu có);

e) Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố điều hành nội dung phiên họp kết luận và nêu vấn đề để Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố biểu quyết;

g) Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố biểu quyết;

h) Trường hợp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố chưa thông qua hoặc quyết định chưa biểu quyết mà cần tiếp tục xem xét, quyết định tại phiên họp sau thì Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố điều hành nội dung phiên họp kết luận và phân công cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định nội dung đã được cho ý kiến tại phiên họp trước theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân công chủ trì nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý trình bày báo cáo;

b) Đại biểu tham dự phiên họp được mời phát biểu ý kiến;

c) Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố thảo luận;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân công chủ trì nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý phát biểu ý kiến giải trình, tiếp thu (nếu có);

đ) Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố

điều hành nội dung phiên họp kết luận và nêu vấn đề để Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố biểu quyết;

e) Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố biểu quyết. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Trường hợp bỏ phiếu kín thì Thường trực Hội đồng nhân dân cử Ban kiểm phiếu để thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu theo quy định.

3. Trường hợp cần thiết, trên cơ sở ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Hội đồng nhân dân quyết định việc ban hành kết luận đối với nội dung đã được Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố biểu quyết thông qua.

Điều 38. Văn bản kết luận về nội dung phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Sau khi kết thúc từng nội dung được Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, cho ý kiến tại phiên họp, căn cứ ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố điều hành nội dung phiên họp, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố chủ trì, phối hợp với Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố dự thảo văn bản kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về từng nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Thông báo kết luận (nếu có) gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để nghiên cứu tiếp thu, tổ chức thực hiện.

Điều 39. Tổ chức chất vấn, giải trình tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố trong thời gian giữa hai kỳ họp

1. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức phiên họp chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn theo quy định tại Điều 69 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức phiên họp giải trình theo quy định tại Điều 72 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 40. Các trường hợp xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản

1. Văn bản tham gia góp ý, báo cáo (trừ các báo cáo trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định) theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Xem xét, phê chuẩn nhân sự Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện.

3. Trường hợp cần thiết khác do Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

4. Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố có thể tự mình hoặc theo đề nghị của Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, cơ quan chủ trì nội dung, quyết định việc trình ra phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, cho ý kiến, quyết định nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 41. Hồ sơ trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản

1. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 40 của Quy chế này, hồ sơ bao gồm:

a) Hồ sơ, tài liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Văn bản báo cáo của cơ quan được phân công chủ trì nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến trả lời, trong đó nêu rõ quan điểm, đề xuất về những vấn đề Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố cần cho ý kiến;

c) Dự thảo văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố hoặc dự thảo văn bản của Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố thông báo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố;

d) Tài liệu khác (nếu có).

2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 40 của Quy chế này, hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản báo cáo của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Dự thảo nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Bản chụp tờ trình, tài liệu của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền gửi Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố;

đ) Tài liệu khác (nếu có).

Điều 42. Trình tự, thủ tục Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản

1. Cơ quan chủ trì nội dung tổ chức nghiên cứu, chuẩn bị dự thảo văn bản hoặc dự thảo nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về nội dung trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, cho ý kiến, quyết định, các tài liệu có liên quan và dự thảo phiếu biểu quyết (nếu có); báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố phụ trách xem xét, quyết định để gửi hồ sơ, tài liệu đến thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm nghiên cứu, thể hiện rõ quan điểm của mình bằng văn bản hoặc phiếu biểu quyết và gửi lại cơ quan chủ trì nội dung. Đối với nội dung phức tạp, còn nhiều ý kiến khác nhau thì cơ quan chủ trì có thể tiếp tục xin ý kiến thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố nhưng không quá hai (02) lần.

3. Cơ quan chủ trì nội dung có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến của thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố hoặc tổng hợp kết quả phiếu biểu quyết, báo cáo Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố phụ trách xem xét, quyết định trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố.

4. Hồ sơ trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố bao gồm:

a) Văn bản trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Các dự thảo văn bản gửi xin ý kiến theo quy định tại khoản 1 Điều này sau khi đã được tiếp thu, hoàn chỉnh;

c) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố hoặc tổng hợp kết quả phiếu biểu quyết; ý kiến của Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố phụ trách;

d) Văn bản tham gia ý kiến của thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

5. Căn cứ nội dung, tính chất của văn bản, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố ký văn bản hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố ký văn bản hoặc ủy quyền Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố ký văn bản thông báo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 43. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét đề nghị xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Sau khi nhận được tờ trình, hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết, căn cứ lĩnh vực phụ trách của Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phân công Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân chủ trì thẩm tra và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

2. Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố được giao chủ trì thẩm tra xây dựng báo cáo thẩm tra về đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố chấp thuận (hoặc không chấp thuận) đề nghị xây dựng Nghị quyết; báo cáo thẩm tra phải phản ánh ý kiến thẩm tra, ý kiến tham gia của Bộ phận chuyên trách các Ban khác của Hội đồng nhân dân Thành phố (nếu có).

3. Tài liệu trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét đề nghị xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và báo cáo thẩm tra.

4. Trình tự Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét đề nghị xây dựng nghị quyết thực hiện theo quy định tại của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy định liên quan.

Điều 44. Xem xét, quyết định các vấn đề về nhân sự do Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố phối hợp với Bộ phận chuyên trách Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân Thành phố và các cơ quan có liên quan tham mưu, chuẩn bị hồ sơ nhân sự (Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố) trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân

Thành phố xem xét đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố bầu; trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh và cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Hồ sơ trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố bao gồm:

a) Văn bản trình của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Dự thảo Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố; dự thảo Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố hoặc Tờ trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Hồ sơ nhân sự của người được đề nghị theo từng chức danh, trừ trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và trường hợp cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố;

d) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố;

đ) Đơn từ chức, đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố (nếu có);

e) Tài liệu khác (nếu có).

3. Trình tự Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định về nhân sự đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh, cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Quy chế này.

4. Trên cơ sở kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố tham mưu để Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố hoàn thiện hồ sơ nhân sự để trình Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 45. Hợp giao ban hằng tháng của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố với Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân và lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Định kỳ mỗi tháng một lần, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức cuộc họp giao ban với Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân và lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố để đánh giá kết quả hoạt động và triển khai các nhiệm vụ theo Chương trình, kế hoạch hoạt động.

2. Khi xét thấy cần thiết, có thể họp đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc theo đề nghị của Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố. Thời gian, nội dung, thành phần dự họp giao ban do Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

3. Công tác chuẩn bị:

a) Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố báo cáo kết quả hoạt động theo kế hoạch, chương trình của Ban, công việc được Thường trực Hội đồng nhân dân giao giữa hai phiên họp, dự kiến chương trình, công tác tháng tiếp theo và gửi Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố để tổng hợp báo cáo chung.

b) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, dự thảo báo cáo kết quả tháng của Thường trực Hội đồng nhân dân, những vấn đề xin ý kiến chỉ đạo, dự kiến chương trình, công tác tháng tiếp theo. Tài liệu họp được gửi đến thành phần dự họp trước ngày họp giao ban.

4. Trình tự và cách thức tiến hành cuộc họp giao ban:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố được ủy quyền thực hiện chủ trì giao ban.

b) Chánh Văn phòng báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; báo cáo những vấn đề xin ý kiến chỉ đạo, dự kiến chương trình, công tác tháng tiếp theo.

c) Các thành phần dự họp giao ban thảo luận.

d) Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân chủ trì họp giao ban kết luận hội nghị.

đ) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố tham mưu thông báo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 46. Hội nghị giao ban của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố với Thường trực Hội đồng nhân dân các quận, huyện, thị xã

1. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức hội nghị giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân các quận, huyện, thị xã về hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp; trao đổi kỹ năng, kinh nghiệm hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân các cấp Thành phố định kỳ mỗi quý một lần vào tuần thứ tư tháng cuối của mỗi quý.

2. Hình thức tổ chức hội nghị giao ban do Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định và có thể thực hiện theo các hình thức: trực tiếp; trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến.

3. Công tác chuẩn bị:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố lựa chọn chuyên đề giao ban, gửi Thường trực Hội đồng nhân dân quận, huyện, thị xã và giao trách nhiệm đề Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố phối hợp với Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân và chuẩn bị nội dung giao ban.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân quận, huyện, thị xã gửi báo cáo tham luận theo chuyên đề, những đề xuất, kiến nghị về Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố tổng hợp trước ngày tổ chức hội nghị giao ban.

c) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố phối hợp với Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân tổng hợp, tham mưu nội dung và dự thảo kết luận của Chủ tọa hội nghị.

4. Thành phần và trình tự, cách thức tiến hành hội nghị giao ban:

a) Thành phần mời tham dự hội nghị giao ban do Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định. Thành phần chủ yếu bao gồm: Thường trực Hội đồng nhân dân, Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố; đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố, đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan.

b) Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm báo cáo thành phần tham dự hội nghị; trình bày chương trình nội dung làm việc của hội nghị; giới thiệu chủ trì hội nghị giao ban.

c) Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố chủ trì, điều hành hội nghị.

d) Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố trình bày các báo cáo, nội dung giao ban chuyên đề.

đ) Các đại biểu tham luận tại hội nghị.

e) Chủ trì kết luận hội nghị và thông báo bằng văn bản. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm tổ chức ghi biên bản đầy đủ các nội dung diễn biến của hội nghị giao ban và tham mưu Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kết luận giao ban.

Điều 47. Công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố là thủ trưởng cơ quan, là Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật của cơ quan Hội đồng nhân dân Thành phố chỉ đạo thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan theo quy định của pháp luật.

2. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố là cơ quan chủ trì tham mưu, tổng hợp báo cáo kết quả bình xét thi đua, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định trước khi trình Hội đồng thi đua khen thưởng Thành phố quyết định.

Điều 48. Tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tiếp công dân ở địa bàn đại biểu ứng cử; chỉ đạo công khai lịch tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm tham mưu xây dựng và công khai lịch tiếp công dân hằng tháng của Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố. Chủ tịch Hội đồng nhân dân trực tiếp hoặc có thể uỷ nhiệm cho Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố tiếp công dân, nhưng ít nhất mỗi quý Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố phải bố trí thời gian 01 ngày để tiếp công dân.

3. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố căn cứ tình hình giải quyết kiến nghị cử tri, các vụ việc bức xúc, việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, tham mưu để Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố lựa chọn nội dung, thời gian, thành phần tham dự tiếp công dân.

4. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu thông báo kết luận tiếp công dân của Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố và gửi Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan liên quan để giải quyết.

5. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm theo dõi và đôn đốc thực hiện kết luận tiếp công dân của Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố và tổng hợp kết quả tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố; định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố để giám sát việc thực hiện.

Điều 49. Tiếp khách, đi công tác

1. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tiếp xã giao, gặp mặt các đoàn đại biểu, khách trong nước đến thăm, làm việc tại Thành phố theo quy chế làm việc. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu chuẩn bị nội dung, thành phần khách mời tham dự và các điều kiện đảm bảo an toàn, chu đáo, trang trọng; tổ chức triển khai thực hiện các công việc cần thiết phục vụ tiếp khách; mời các cơ quan thông tấn, báo chí dự để dự và đưa tin (nếu cần thiết).

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố tiếp khách nước ngoài, gồm các hình thức: tiếp xã giao, tiếp làm việc (chính thức hoặc không chính thức) theo giới thiệu của các cơ quan trung ương, đề nghị của Sở Ngoại vụ và các cơ quan, tổ chức thuộc Thành phố hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan chuẩn bị và tham mưu với Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố về nội dung, hình thức cuộc tiếp, thành phần, chương trình hoạt động của khách và các vấn đề liên quan khác; chuẩn bị các điều kiện để cuộc tiếp khách đảm bảo đúng theo các quy định của luật và quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

3. Đi công tác:

a) Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí dành thời gian thích hợp đi công tác cơ sở để kiểm tra, nắm tình hình triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố; gặp gỡ tiếp xúc, lắng nghe ý kiến nguyện vọng của cử tri; nắm tình hình thực tế ở cơ sở để kịp thời có giải pháp, đề xuất cơ chế chính sách khắc phục khó khăn.

Trên cơ sở nội dung làm việc, thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố lựa chọn hình thức đi công tác phù hợp, bảo đảm thực chất, hiệu quả, tiết kiệm.

b) Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố làm việc với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố khác hoặc làm việc với cơ quan trung ương ngoài địa bàn Thành phố theo giấy mời hoặc theo yêu cầu công việc phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố theo phân công).

c) Trong thời gian Hội đồng nhân dân Thành phố họp, thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân không bố trí đi công tác, trừ trường hợp khẩn cấp, đột xuất, đặc biệt được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố hoặc theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

d) Hằng năm, Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân có thể tổ chức để Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức đoàn đi công tác tại các tỉnh, thành phố khác để trao đổi kinh nghiệm và kỹ năng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

4. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch đi thăm và làm việc tại cơ quan, đơn vị trong và ngoài Thành phố của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố. Đồng thời phối hợp với Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố chuẩn bị các bảo đảm điều kiện phục vụ đoàn công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 50. Yêu cầu, trách nhiệm đối với công tác thông tin về hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm tổ chức thông tin về hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân:

1. Hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố được thông tin đến cử tri và Nhân dân.

Các nội dung được thông tin đến cử tri và Nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

2. Thông tin về hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phải chính xác, toàn diện, kịp thời, công khai theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan báo chí được mời tham dự, đưa tin về phiên họp và các hoạt động khác của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, trừ phiên họp kín và các nội dung thuộc bí mật nhà nước.

4. Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc phát thanh, truyền hình trực tiếp các phiên họp hoặc hoạt động khác của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

5. Thông tin về phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố được thực hiện theo quy định về tổ chức công tác thông tin, báo chí, tuyên truyền về phiên họp.

Điều 51. Thông tin phục vụ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố theo chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố. Trường hợp cần thiết, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu để gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

CHƯƠNG IV

BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ BỘ PHẬN CHUYÊN TRÁCH BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 52. Nguyên tắc, chế độ làm việc

1. Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; Các kết luận quan trọng của Ban được thông qua khi có quá nửa số ủy viên đồng ý.

2. Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố giải quyết công việc đúng phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền theo quy định của luật và Hội đồng nhân dân Thành phố giao; bảo đảm sự điều hòa hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật.

3. Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách của Ban, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của Ban giữa hai kỳ họp của Hội đồng nhân dân và giữa hai phiên họp tập thể Ban. Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm trước Thường trực Hội đồng nhân dân, tập thể Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao. Bộ phận chuyên trách Ban thực hiện các nhiệm vụ do Thường trực Hội đồng nhân dân phân công bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả giải quyết công việc theo quy định của Luật và Quy chế làm việc.

4. Các ủy viên chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Hội đồng nhân dân Thành phố; chịu trách nhiệm cá nhân trước tập thể Ban và Trưởng ban về nhiệm vụ, quyền hạn được Ban và Trưởng ban phân công.

5. Đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Điều 53. Hình thức hoạt động của Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Hoạt động của Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố được thực hiện thông qua phiên họp toàn thể, các hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra, giải trình và các hoạt động khác theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức phiên họp toàn thể định kỳ 6 tháng một lần trước các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân để đánh giá việc thực hiện chương trình công tác và triển khai nhiệm vụ công tác của Ban. Ngoài phiên họp định kỳ, Ban tổ chức họp để thảo luận và giải quyết các công việc đột xuất phát sinh trong quá trình hoạt động để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thời gian, nội dung, thành phần, hình thức họp do Trưởng ban của Hội đồng nhân dân quyết định.

3. Trường hợp phát sinh những vấn đề đột xuất hoặc trường hợp bất khả kháng (do thiên tai, dịch bệnh) mà không tổ chức được phiên họp toàn thể để xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền thì Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc lấy ý kiến thành viên của Ban bằng văn bản.

Điều 54. Hoạt động của Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo, điều hòa hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; chuẩn bị các báo cáo thẩm tra, các báo cáo khác theo chỉ đạo, phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố để trình tập thể Ban xem xét, quyết định. Tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động và quyết định, kết luận của tập thể Ban.

3. Chuẩn bị nội dung và tài liệu phục vụ hoạt động của Ban của Hội đồng nhân dân; cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho các thành viên của Ban.

4. Phối hợp với Bộ phận chuyên trách các Ban khác của Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các cơ quan liên quan trong việc thực hiện các nhiệm vụ do Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phân công.

5. Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân được phân công một số công chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố để thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc, phục vụ thường xuyên của Ban.

Điều 55. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định của luật và các nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban được quy định của luật, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và theo Quy chế hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Phụ trách chung, điều hành công việc của Ban và chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về hoạt động của Ban.

3. Chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành hoạt động của Bộ phận chuyên trách Ban, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Phó Trưởng ban, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách của Ban để đảm bảo hoạt động của Ban được thường xuyên, hiệu quả, đúng quy định của luật; trực tiếp chỉ đạo, phân công công việc cụ thể, theo dõi đánh giá chất lượng các công chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố được phân công giúp việc của Ban.

Điều 56. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định của luật, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản quy định liên quan.

2. Phó Trưởng ban được Trưởng ban phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm cá nhân trước tập thể Ban và Trưởng ban; đồng thời cùng các ủy viên khác của Ban chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ban trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Trong lĩnh vực công tác được phân công, Phó Trưởng ban có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Giúp Trưởng ban xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ban theo lĩnh vực được phân công.

b) Chủ trì các cuộc họp, các cuộc làm việc của Ban với các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực được phân công khi Trưởng ban đi vắng hoặc được ủy quyền theo quy định.

c) Ký các văn bản phối hợp công tác với các cơ quan, đơn vị theo lĩnh vực được phân công và một số văn bản của Ban khi Trưởng ban ủy quyền.

d) Chuẩn bị các dự thảo văn bản, tài liệu phục vụ các cuộc họp, các hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra của Ban theo lĩnh vực được phân công.

đ) Báo cáo và đề xuất với Trưởng ban xem xét, quyết định xử lý kịp thời công việc liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách đã phối hợp xử lý nhưng ý kiến chưa thống nhất.

Điều 57. Nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định của luật, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản quy định liên quan.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động hoạt động chuyên trách của Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố được Trưởng ban phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm cá nhân trước tập thể Ban và Trưởng ban; đồng thời cùng các ủy viên khác của Ban chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ban trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Trong lĩnh vực được phân công, ủy viên hoạt động chuyên trách có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Giúp Trưởng ban xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ban theo lĩnh vực được phân công.

b) Chuẩn bị dự thảo văn bản, chuẩn bị tài liệu phục vụ các cuộc họp, các hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra của Ban.

c) Báo cáo và đề xuất với Trưởng ban xem xét, quyết định xử lý kịp thời công việc liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách đã phối hợp xử lý nhưng ý kiến chưa thống nhất.

Điều 58. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của luật và vai trò ủy viên theo quy chế làm việc của Ban.

2. Được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung hoạt động, lĩnh vực của Ban phụ trách. Tham gia ý kiến và biểu quyết về các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban.

3. Chủ động nghiên cứu các văn bản pháp luật, nắm bắt thực tế, đề xuất các nội dung liên quan đến chương trình công tác, hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra của Ban.

4. Tham gia đầy đủ các cuộc họp, các hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra và các hoạt động khác của Ban. Tham gia thảo luận, chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố; phiên họp chất vấn, giải trình của Thường trực Hội đồng

nhân dân Thành phố theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân và Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố.

5. Tham gia các lớp tập huấn, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, trao đổi kỹ năng và kinh nghiệm hoạt động theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn phục vụ công tác và kỹ năng của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

6. Thực hiện nhiệm vụ được phân công theo chương trình, kế hoạch công tác của Ban của Hội đồng nhân dân và Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 59. Phiên họp toàn thể Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố

Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố triệu tập phiên họp toàn thể để xem xét, thảo luận, quyết định các vấn đề sau đây:

1. Chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố và những vấn đề khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban của Hội đồng nhân dân.

2. Thẩm tra hoặc tham gia thẩm tra dự thảo nghị quyết, tờ trình, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân Thành phố; thẩm tra hoặc tham gia thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án, đề nghị khác trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố. Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố có thể ủy quyền cho Bộ phận chuyên trách của Ban thực hiện việc thẩm tra.

3. Xem xét văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố theo lĩnh vực được phân công.

4. Xem xét, thông qua báo cáo hoạt động của Ban của Hội đồng nhân dân để trình Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

5. Căn cứ chương trình, kế hoạch, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định tổ chức phiên họp toàn thể để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền.

6. Trưởng ban chủ trì hoặc ủy quyền Phó Trưởng ban điều hành phiên họp của Ban khi Trưởng ban vắng mặt. Các nội dung được xem xét, cho ý kiến tại phiên họp được ghi vào biên bản.

Điều 60. Việc lấy ý kiến của thành viên Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Việc lấy ý kiến của thành viên Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố bằng văn bản được thực hiện trong trường hợp thành viên Ban không dự phiên họp toàn thể hoặc Ban không tổ chức được phiên họp toàn thể theo quy định tại khoản 3 Điều 52 của Quy chế này.

2. Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm dự thảo nội dung và gửi xin ý kiến các thành viên Ban.

3. Thành viên Ban có trách nhiệm nghiên cứu, gửi ý kiến tham gia bằng văn bản đúng thời hạn, nội dung yêu cầu đến Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố. Nội dung được quá nửa tổng số thành viên Ban tán thành thì được coi là quyết định của Ban. Trường hợp mà số thành viên đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì do Trưởng ban quyết định. Nếu vấn đề còn có nhiều ý kiến khác nhau (không đạt quá nửa) thì Trưởng ban báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau đến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét, cho ý kiến theo thẩm quyền.

Điều 61. Nhiệm vụ của Ban của Hội đồng nhân dân trong việc tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Đề xuất dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp.

2. Chủ trì, phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố xây dựng các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phân công.

3. Đề xuất với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về các vấn đề được xem xét tại kỳ họp.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phân công.

Điều 62. Trình tự hoạt động thẩm tra của Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Ban thực hiện thẩm tra các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và các vấn đề phát sinh giữa 2 kỳ họp liên quan đến lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phân công.

2. Trình tự thực hiện thẩm tra như sau:

a) Căn cứ vào nội dung, phạm vi, thời gian thẩm tra và tình hình thực tế, Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố tham gia nghiên cứu báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan liên quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề thẩm tra; có thể tổ chức họp lấy ý kiến của các chuyên gia, những người am hiểu về vấn đề đó; khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về những nội dung liên quan.

b) Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm xây dựng dự thảo báo cáo thẩm tra các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết.

c) Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức phiên họp toàn thể để thảo luận, thống nhất báo cáo thẩm tra. Trường hợp không tổ chức được phiên họp toàn thể thì thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 53 Quy chế này.

d) Sau khi kết thúc thẩm tra, Trưởng ban ký ban hành báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định.

Điều 63. Nhiệm vụ của Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố trong việc giám sát văn bản quy phạm pháp luật

1. Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố thường xuyên theo dõi việc ban hành các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố và nghị quyết của Hội đồng nhân dân các quận, huyện, thị xã liên quan đến lĩnh vực Ban phụ trách.

2. Trường hợp phát hiện quyết định Ủy ban nhân dân Thành phố và nghị quyết của Hội đồng nhân dân các quận, huyện, thị xã có dấu hiệu vi phạm các quy định của Hiến pháp, luật, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố thì Ban của Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu hoặc đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố yêu cầu cơ quan đã ban hành văn bản đó xem xét, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

Điều 64. Hoạt động giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Căn cứ Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, kế hoạch công tác hàng năm của Ban và theo phân công của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, thông qua việc theo dõi kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, qua phương tiện

thông tin đại chúng, ý kiến, kiến nghị của cử tri phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; những vấn đề được dư luận, cử tri, Nhân dân quan tâm thuộc lĩnh vực Ban phụ trách, Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố xây dựng chương trình giám sát của Ban. Chương trình, nội dung, kế hoạch giám sát chuyên đề hàng năm của Ban được tích hợp trong kế hoạch hoạt động hằng năm của Ban.

2. Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm tổ chức đề hoạt động giám sát chuyên đề của Ban đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định của luật. Trưởng ban thay mặt Ban ký quyết định thành lập Đoàn giám sát của Ban và điều hành hoạt động của Đoàn giám sát.

3. Đoàn giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện giám sát đảm bảo đúng các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thực hiện các chương trình, nội dung giám sát đúng theo kế hoạch.

Điều 65. Hoạt động khảo sát của Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Căn cứ chương trình, kế hoạch công tác, sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố và yêu cầu nhiệm vụ phát sinh trong thực tiễn, Ban tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật và xây dựng các nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố liên quan đến lĩnh vực phụ trách theo dõi.

2. Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, nội dung và tổ chức Đoàn khảo sát của Ban đảm bảo hiệu quả, trường hợp cần thiết có thể mời đại diện các Ban của Hội đồng nhân dân, các cơ quan liên quan của Thành phố và các chuyên gia về lĩnh vực khảo sát.

3. Kết quả khảo sát của Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố được báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố và gửi các cơ quan liên quan.

Điều 66. Chế độ thông tin, báo cáo, công tác tham mưu phục vụ

1. Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm báo cáo kết quả công tác với Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp thường lệ theo quy định của luật. Trong thời gian Hội đồng nhân dân Thành phố không họp, Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm báo cáo công tác trước Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm trả lời hoặc phân công Phó Trưởng ban trả lời và cung cấp thông tin cho báo chí ý kiến của Ban về các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố. Việc thực hiện phát ngôn phải đảm bảo đúng quy định của luật và theo quy chế.

3. Bộ phận chuyên trách của Ban có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện chế độ kinh phí, cung cấp các tài liệu, thông tin và các chế độ khác đối với ủy viên khi tham gia hoạt động chung của Ban theo quy định.

4. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân phối hợp với Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố bảo đảm các điều kiện hoạt động của Ban và Bộ phận chuyên trách Ban về nơi làm việc, hội họp, phương tiện đi lại, kinh phí hoạt động theo quy định, chế độ hiện hành.

5. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố phối hợp với Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố rà soát, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét, quyết định về số lượng chuyên viên chuyên trách tham mưu, giúp việc phục vụ hoạt động Ban và Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố đảm bảo số lượng, chất lượng, chuyên môn phù hợp theo vị trí việc làm, biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

CHƯƠNG V

TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 67. Trách nhiệm của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Tổ chức giám sát theo quy định Điều 112 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 83, Điều 86 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Tổ chức họp, phân công đại biểu trong Tổ nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện xây dựng lịch và tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp Hội đồng nhân dân và báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp của Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định tại Điều 94 của

Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố tổng hợp, phân loại các ý kiến, kiến nghị của cử tri; báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố những ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp đại biểu tiếp xúc cử tri.

4. Thường xuyên giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện nơi ứng cử và các cơ quan, tổ chức liên quan.

5. Tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân trong Tổ tiếp công dân theo quy định của Luật Tiếp công dân và quy chế của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 68. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố điều hành và chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Tổ đại biểu trước Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố chủ trì điều hành các phiên họp Tổ; thay mặt Tổ ký các văn bản của Tổ gửi Thường trực Hội đồng nhân dân. Trường hợp vắng mặt thì ủy quyền cho Tổ phó ký các văn bản của Tổ.

3. Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ khi được Tổ trưởng ủy quyền, phân công.

CHƯƠNG VI

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 69. Hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố

Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại các Điều 84, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, khoản 2 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 70. Điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố

Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố được cấp hoạt động phí hàng tháng và được hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động đại biểu theo quy định tại khoản 5 Điều 103 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Chương VII**MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****Mục 1****MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC
CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****Điều 71. Quan hệ công tác với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố gửi nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản kỳ họp và báo cáo hoạt động 06 tháng, hằng năm của Hội đồng nhân dân Thành phố đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội khi thực hiện giám sát trên địa bàn Thành phố và khi có yêu cầu góp ý dự thảo luật, nghị quyết, trao đổi kinh nghiệm hoạt động, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động cho đại biểu Hội đồng nhân dân tại Thành phố.

3. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tham dự các hoạt động của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan Trung ương khi được mời hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 72. Quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phối hợp Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo triển khai, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành; chỉ đạo các cơ quan chuyên

môn chuẩn bị tờ trình, đề án, dự thảo nghị quyết và các hồ sơ, tài liệu để trình Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố đôn đốc, kiểm tra, giám sát chương trình hoạt động Ủy ban nhân dân Thành phố trong tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tham gia phối hợp Ủy ban nhân dân cùng cấp và các cơ quan chuyên môn trong việc chuẩn bị đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết phục vụ cho kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố.

4. Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp có trách nhiệm chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp; thống nhất chỉ đạo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân, các Sở, ban, ngành Thành phố thực hiện theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, báo cáo hoặc trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét quyết định.

Điều 73. Quan hệ công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và người đứng đầu các tổ chức thành viên của Mặt trận

1. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội động viên Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị xã hội được mời tham dự các kỳ họp công khai của Hội đồng nhân dân Thành phố khi bàn về các vấn đề có liên quan.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên theo dõi hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố và giúp đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố làm nhiệm vụ đại biểu.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân Thành phố bầu; đề nghị bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định pháp luật.

7. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức thành viên tham gia hoạt động giám sát, khảo sát và một số hoạt động khác của Hội đồng nhân dân Thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố khi cần thiết; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những nội dung quan trọng ở địa phương.

Điều 74. Quan hệ công tác giữa Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố với Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố

Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố giữ mối quan hệ thường xuyên với Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố trong các hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát, xây dựng pháp luật và theo Quy chế phối hợp công tác.

Điều 75. Quan hệ công tác với các Ban và Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố trong phạm vi lĩnh vực phụ trách có trách nhiệm tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân Thành phố; tổ chức thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án do Hội đồng nhân dân Thành phố hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phân công; tổ chức giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và chính quyền các cấp thuộc Thành phố; giám sát văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức khảo sát; báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Hội đồng nhân dân Thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

Ngoài trách nhiệm nêu trên, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ theo pháp luật quy định và được Hội đồng nhân dân Thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phân công.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố chỉ đạo, phân công hoặc giao nhiệm vụ cho Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân thông qua Trưởng ban của Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp Trưởng ban vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố giao nhiệm vụ cho Phó Trưởng ban; Phó Trưởng ban có trách nhiệm thực hiện và báo cáo kết quả với Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố và báo cáo lại với Trưởng ban.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố phân công công việc liên quan đến lĩnh vực, nội dung của nhiều Ban phụ trách thì Trưởng ban chủ trì chủ động phối hợp và cùng chịu trách nhiệm tập thể trước Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; nếu giữa các Trưởng ban của Hội đồng nhân dân có ý kiến khác nhau thì Trưởng ban chủ trì vẫn giải quyết công việc và báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

4. Trong quá trình thực hiện công tác, do yêu cầu của nhiệm vụ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố có thể ủy quyền cho một Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện, phụ trách và xử lý một số công việc cụ thể.

5. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố báo cáo với Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Điều 76. Quan hệ công tác giữa Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố với Văn phòng Đoàn đại biểu Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua Chánh Văn phòng. Trong trường hợp Chánh Văn phòng vắng mặt hoặc khi cần thiết thì Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố phụ trách khối, lĩnh vực có thể giao nhiệm vụ hoặc phân công nhiệm vụ trực

tiếp thông qua Phó Chánh Văn phòng được Chánh Văn phòng ủy quyền, sau đó Phó Chánh Văn phòng có trách nhiệm trực tiếp báo cáo với Chánh Văn phòng về việc Chủ tịch, Phó Chủ tịch chỉ đạo, phân công hoặc giao nhiệm vụ cho Văn phòng.

2. Chánh Văn phòng là người phát ngôn của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; trao đổi, cung cấp thông tin cho báo chí theo thẩm quyền và theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Chánh Văn phòng tham mưu giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố trong công tác theo dõi, chỉ đạo, điều hành chung và truyền đạt hoặc ký thông báo kết luận của Thường trực; ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch theo yêu cầu.

4. Định kỳ hoặc đột xuất, Chánh Văn phòng báo cáo với Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, những khó khăn vướng mắc phải có ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch hoặc phải có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật.

5. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chánh Văn phòng.

Điều 77. Quan hệ công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố với Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Cục thi hành án dân sự Thành phố

1. Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Cục Thi hành án dân sự và các cơ quan, tổ chức hữu quan cùng cấp có trách nhiệm báo cáo kết quả thực nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố; giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố hay phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố nếu có yêu cầu.

2. Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức hữu quan cùng cấp có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố khi bàn về vấn đề có liên quan.

3. Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Cục Thi hành án dân sự Thành phố và các cơ quan, tổ chức hữu quan chịu sự giám sát của

Hội đồng nhân dân Thành phố, có trách nhiệm báo cáo, cung cấp tài liệu và giải trình phục vụ hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố quan tâm và tạo điều kiện để các cơ quan tư pháp hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, thuận lợi trong tiến trình thực hiện cải cách tư pháp theo yêu cầu của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thành phố uỷ.

Điều 78. Quan hệ công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố với Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã

Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố giữ mối quan hệ công tác thường xuyên, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong các hoạt động với Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện. Phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã trong tiến hành các hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát trên địa bàn. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố mời đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã (nếu có) tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố, các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, học tập, trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Mục 2

**MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

Điều 79. Quan hệ phối hợp công tác giữa Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố với Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Các Ban và Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố trong phạm vi lĩnh vực chuyên môn phụ trách hoặc được Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phân công có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án do Ủy ban nhân dân Thành phố trình kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố để tổ chức thẩm tra theo quy định của pháp luật.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân

Thành phố và chính quyền các cấp thuộc Thành phố; giám sát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phụ trách và trên cơ sở tình hình hoạt động thực tiễn, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố có thể ký kết quy chế phối hợp hoạt động với các cơ quan khác của Thành phố.

Điều 80. Quan hệ phối hợp công tác giữa Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố với Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm phối hợp công tác với Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân được mời tham dự các Hội nghị, Hội thảo theo lĩnh vực chuyên môn phụ trách của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 81. Mối quan hệ giữa Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Trong quá trình giải quyết các công việc theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, Bộ phận chuyên trách Ban của Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm chủ trì tham mưu các nội dung lĩnh vực chuyên môn cụ thể và trực tiếp báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân để quyết định và ký ban hành; đối với các nội dung, nhiệm vụ tổng hợp chung hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thì Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm chủ trì tổng hợp chung và tham mưu, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố phối hợp với các Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố tham mưu Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố điều hòa hoạt động của các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm bố trí số lượng công chức tham mưu, giúp việc, phục vụ các Ban và Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố trên cơ sở số lượng được Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định đảm bảo chuyên môn, năng lực phù hợp theo yêu cầu vị trí việc làm. Trưởng ban của Hội đồng nhân

dân Thành phố chịu trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể, theo dõi, đánh giá xếp loại với các công chức giúp việc của Ban và gửi đến Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố để tổng hợp và thực hiện các chế độ của cán bộ, công chức theo quy định.

4. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố phối hợp với các Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố giữ mối liên hệ công tác với Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố và các cơ quan, tổ chức khác liên quan.

5. Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân và Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm phối hợp hoàn thiện và trình ký Nghị quyết, các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố và các văn bản, nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

6. Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố phối hợp với Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố tổng hợp thông tin về lĩnh vực và tình hình hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố. Văn phòng có trách nhiệm tổng hợp hoạt động của Hội đồng nhân dân Thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố và các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố để kịp thời đưa lên trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Mục 3

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 82. Quan hệ công tác giữa Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố với Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tổng hợp báo cáo kết quả công tác, kết quả tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố, tổng hợp kiến nghị của cử tri gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố để báo cáo kỳ họp và chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 83. Quan hệ công tác giữa Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố với chính quyền địa phương nơi ứng cử

1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố mời đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện và các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tham dự các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét, trả lời các kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện tại đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tạo điều kiện để đại biểu tiếp công dân theo quy định.

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố mời đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện và các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tham dự các buổi tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố mời Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện tham gia các hoạt động của Tổ khi tổ chức giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp trên địa bàn hoặc về các vấn đề do Hội đồng nhân dân Thành phố hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố phân công.

Mục 4**ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG****Điều 84. Điều kiện bảo đảm hoạt động**

1. Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành nghị quyết về điều kiện và chế độ đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện của địa phương.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố xây dựng chế độ sử dụng chuyên gia, nhà khoa học để tham vấn cho Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định và chỉ đạo đảm bảo các điều kiện hoạt động của Bộ phận chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu hoạt động chuyên trách tại các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố.

4. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu với Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố các nội dung tại khoản 1, khoản 2 và quyết định các nội dung tại khoản 3 Điều này.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 85. Tổ chức thi hành

1. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân, và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tập hợp các kiến nghị, vướng mắc để báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định; đồng thời gửi đến Ban Công tác đại biểu tổng hợp báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442
Fax: 024.37739443
Email: congbao@hanoi.gov.vn
Website: www.hanoi.gov.vn